

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 24/9/2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh

2. Ông Hoàng Năng Long

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-DS ngày 19/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Đồng nguyên đơn:*** Ông Hoàng Công T, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Ông Châu Văn H, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: Ông Nguyễn Đình C và ông Phạm Trí T1

Cùng địa chỉ: 3 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (ông C có mặt)

- ***Bị đơn:*** Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Ông Cao Đình H1 sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Công T trình bày:

Tôi và bà Vũ Thị T2 có quen biết và kinh doanh bất động sản cùng nhau. Do có sự tin tưởng nên tôi có nhờ bà T2 đứng tên 02 thửa đất tại buôn J, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra vào ngày 03/4/2024 tôi có cho bà T2 vay số tiền 400.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng (không rõ Ngân hàng nào), không thỏa thuận lãi suất, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ trong vòng 10 ngày (chỉ nói miệng với nhau) không viết vào giấy vay tiền.

Cho đến nay, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà T2 trả lại cho tôi 02 thửa đất nhờ đứng tên và số tiền đã vay là 400.000.000 đồng nhưng bà T2 trốn tránh không thực hiện. Do đó tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà T2 có nghĩa vụ trả lại cho tôi 02 thửa đất nhờ đứng tên và số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Đối với phần yêu cầu buộc bà T2 trả lại 02 thửa đất tôi nhờ đứng tên, thì nay tôi đã làm đơn xin rút phần yêu cầu này, đề nghị Tòa án không giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của ông H, ông Nguyễn Đình C trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 28/5/2024 ông H có cho vợ chồng ông Cao Đình H1 và bà Vũ Thị T2 vay số tiền 470.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng (không rõ Ngân hàng nào), khi vay các bên có lập giấy viết vay. Các bên thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay là 10 ngày (tính từ ngày 28/5/2024 đến ngày 07/6/2024) và lãi suất là 1.66%/tháng. Khi vay phía bà T2 và ông H1 có giao cho ông H 01 chiếc xe ô tô Toyota VeLoz để làm tin.

Đến thời hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T2 trả nợ nhưng ông H1, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Do đó ông H là đơn yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Cao Đình H1, bà Vũ Thị T2 phải trả cho ông Châu Văn H số tiền đã vay là 470.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Cao Đình H1 trình bày:

Đối với những khoản vay của bà Vũ Thị T2 với ông Hoàng Công T thì tôi không vay mượn và cũng không biết.

- Đối với khoản vay của bà Vũ Thị T2 với ông Châu Văn H thì lúc đầu tôi không biết cho đến khi vỡ nợ thì vào ngày 10/6/2024 vợ ông H (bà T3) có gọi điện cho tôi về xử lý vay nợ của bà T2, do tôi đang chở khách nên khoảng 01 giờ 00 ngày 11/6/2024 thì tôi về nhà bà T3 thì bà T3 và ông H yêu cầu tôi để lại chiếc xe ô tô, tôi đồng ý vì do bà T2 (vợ tôi) có gọi điện cho tôi nói “để lại xe vài ngày sau bà T2 trả tiền thì lấy xe về”. Đến khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, ông H có gọi tôi ra quán cà phê nói “vợ vay thì chồng phải ký vào tờ giấy vay mượn” nên tôi đã ký vào giấy vay với nội dung là chủ xe ô tô gửi lại cho ông H giữ. Nay ông H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả nợ số tiền 470.000.000 đồng và lãi suất thì tôi không liên quan.

Đối với bị đơn bà Vũ Thị T2 quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt, thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà T2 đều vắng mặt không có lý do. Do đó Toà án không thu thập được lời khai của bà T2.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Vũ Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 537, 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Hoàng Công T và ông Châu Văn H.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị T2 phải cho ông Hoàng Công T số tiền đã vay là 400.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Buộc đồng bị đơn bà Vũ Thị T2 và ông Cao Đình H1 phải trả cho ông Châu Văn H số tiền 470.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/5/2024 đến ngày mở phiên toà xét xử sơ thẩm.

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công T về việc yêu cầu bà T2 trả lại 02 thửa đất nhờ bà T2 đứng tên hộ tại buôn J, xã E, huyện C.

Buộc ông Châu văn H2 phải trả lại xe ô tô Toyota VeLoz biển số kiểm soát 47A 57857 cho ông Cao Đình H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn bà Vũ Thị T2 và ông Cao Đình H1 có nơi cư trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị T2 đều không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn bà Vũ Thị T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công T:

Ngày 03/4/2024 ông Hoàng Công T có cho bà Vũ Thị T2 vay số tiền 400.000.000 đồng để bà T2 đáo hạn ngân hàng, hai bên có viết giấy vay tiền và ký xác nhận vào giấy vay. Theo ông T trình bày thời hạn vay là 10 ngày tính từ ngày 03/4/2024 tuy nhiên các bên chỉ thoả thuận miệng, không viết vào giấy vay, không

thoả thuận lãi suất. Đến thời hạn trả nợ bà T2 không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó ông T làm đơn khởi kiện buộc bà T2 phải trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Do bị đơn bà Vũ Thị T2 không có mặt tại các buổi làm việc nên Toà án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà T2 trong giấy vay tiền để có căn cứ giải quyết vụ án. Tại kết luận giám định số: 1317/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị T2 dưới mục bên B (bên vay) trên giấy cho vay tiền ngày 03/4/2024 so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị T2 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”* như vậy có căn cứ khẳng định vào ngày 03/4/2024 bà T2 có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T2 trả số tiền đã vay là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Châu Văn H:

Ngày 28/5/2024 ông H có cho vợ ông Cao Đình H1 là bà Vũ Thị T2 vay số tiền 470.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi vay các bên có lập hai (02) “giấy mượn tiền” đề cùng ngày 28/5/2024 (01 giấy do bà Vũ Thị T2 ký bên vay; 01 giấy do bà T2 ký bên vay và có gửi lại 01 chiếc xe ô tô Toyota Yeloc 47A 57857 và ông H1 ký tên chủ xe), trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả nợ.

Bị đơn ông Cao Đình H1 cho rằng không biết việc bà T2 có vay số tiền 470.000.000 đồng của ông H và khoản vay trên của bà T2 với ông H thì không liên quan đến ông H1 là không thể chấp nhận. Vì theo ông H1 thì lúc đầu ông không biết nhưng sau đó ông biết và đồng ý giao lại xe ô tô cho ông H giữ và chịu trách nhiệm bảo quản, ông ký vào giấy mượn tiền số tiền 470.000.000 đồng do ông H xuất trình nay lại cho rằng không biết là không đúng.

Tại kết luận giám định số: 1317/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị T2 dưới mục người mượn tiền trên giấy mượn tiền ngày 28/5/2024 so với chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị T2 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”*.

Tại kết luận giám định số: 1332/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: *“Chữ ký dưới dạng tên “Hung” và chữ viết mang tên Cao Đình H1 dưới mục “chủ xe” trên giấy mượn tiền so với chữ ký, chữ viết mang tên Cao Đình Hùng trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra”*.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định vào ngày 28/5/2024 bà Vũ Thị T2 có vay của ông Châu Văn H số tiền 470.000.000 đồng, đến ngày 11/6/2024 khi vợ ông H đòi nợ thì ông H1 có biết khoản vay nợ này, và theo yêu cầu của bà T2 thì ông H1 đồng ý để lại xe ô tô mang tên ông Cao Đình H1 giao cho ông H quản lý để làm tin. Đến nay vợ chồng bà T2, ông H1 chưa trả số nợ trên do đó ông Châu Văn H

làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T2 và ông H1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ số tiền trên là đúng đắn.

Về lãi suất: Phía ông H cho rằng khi vay thỏa thuận miệng mức lãi suất 1,66%/tháng, còn phía bà T2 vắng mặt nên không rõ. Nhận thấy thực chất của việc giao dịch giữa bà T2 và ông H là vay tiền có cầm cố tài sản nên tại phiên tòa ông C cho rằng vay có thỏa thuận lãi suất là có cơ sở nên cần chấp nhận. Theo quy định của điều 468 BLDS thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn nêu trên. Thời gian tính lãi suất kể từ ngày 28/5/2024 cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2024 là 03 tháng 26 ngày.

$(470.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 116 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 15.144.000 \text{ đồng}$

[2.3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công T về việc đòi bà T2 trả lại 02 thửa đất do ông T nhờ bà Vũ Thị T2 đứng tên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có nhận được đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn ông Hoàng Công T về việc “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, xác định yêu cầu của ông T là có căn cứ do đó Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/6/2024 là phù hợp cần giữ nguyên.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Vũ Thị T2 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 6.780.000 đồng, ông Cao Đình H1 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.670.000 đồng.

Ông Hoàng Công T được nhận lại số tiền 3.390.000 đồng sau khi thu được của bà Vũ Thị T2. Ông Châu Văn H được nhận lại số tiền 3.390.000 đồng sau khi thu được của bà Vũ Thị T2 và số tiền 5.670.000 đồng sau khi thu được của ông Cao Đình H1.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị T2 và ông Cao Đình H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 357; khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công T và ông Châu Văn H.

1. Buộc bà Vũ Thị T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Hoàng Công T số tiền 400.000.000 đồng gốc, không tính lãi suất.

2. Buộc bà Vũ Thị T2 và ông Cao Đình H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Châu Văn H số tiền gốc là 470.000.000 đồng và số tiền lãi là 15.144.000 đồng. Tổng cộng là 485.144.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Vũ Thị T2 phải trả lại cho ông Hoàng Công T 02 thửa đất tại buôn J, xã E mà ông T nhờ bà T2 đứng tên.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị T2 phải chịu số tiền 6.780.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông Cao Đình H1 phải chịu số tiền 5.670.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Hoàng Công T được nhận lại số tiền 3.390.000 đồng sau khi thu được của bà Vũ Thị T2.

Ông Châu Văn H được nhận lại số tiền 3.390.000 đồng sau khi thu được của bà Vũ Thị T2 và số tiền 5.670.000 đồng sau khi thu được của ông Cao Đình H1.

5. Về án phí:

Bà Vũ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.003.000 đồng (làm tròn). Ông Cao Đình H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.003.000 đồng (đã làm tròn).

Trả lại cho ông Hoàng Công T số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006609 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Trả lại cho ông Châu Văn H số tiền 11.489.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006610 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Vũ Thị T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- THA huyện Cư Kuin
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI